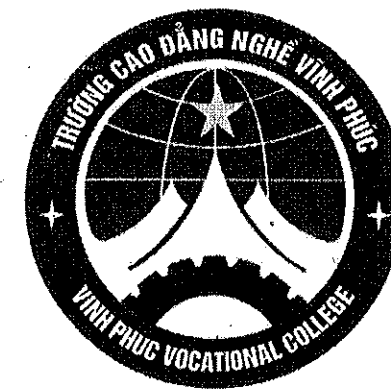


UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VĨNH PHÚC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỈNH SỬA, BỔ SUNG

**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NGHỀ: MAY THỜI TRANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 382/QĐ-CDNVP, ngày 29/8/2019
của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Vĩnh Phúc)*

Vĩnh phúc, tháng 8 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 382/QĐ-CDN ngày 29 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc)

Tên ngành, nghề: May thời trang

Mã ngành, nghề: 5540204

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy (Có thể thực hiện theo 3 phương thức đào tạo: Niên chế, tích lũy mô đun, tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên;

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ May thời trang, có năng lực hành nghề May thời trang tương ứng với trình độ trung cấp, có đạo đức, sức khỏe, có trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc May thời trang, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động, người học nghề May thời trang sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm trong lĩnh vực May thời trang hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình đào tạo May thời trang người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp May thời trang và có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc trong lĩnh vực May thời trang, cụ thể sau:

1.2.1. Kiến thức:

- + Kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi của ngành, nghề May thời trang;
- + Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề May thời trang và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực May thời trang;
- + Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

1.2.2. Kỹ năng:

- + Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực May thời trang, thực

hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin liên quan đến lĩnh vực May thời trang.

+ Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề May thời trang trong giao tiếp hiệu quả nơi làm việc; phân biện và sử dụng các giải pháp thay thế, đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm khi làm việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để hỗ trợ trong việc thực hiện khai thác và tìm kiếm thông tin và giao tiếp trong lĩnh vực May thời trang.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm làm việc:

+ Làm việc độc lập trong điều kiện lĩnh vực May thời trang có nhiều thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc May thời trang đã định sẵn.

+ Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Trung cấp May thời trang học sinh có thể trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền may của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài ở các vị trí như: kỹ thuật chuyên, kiểm hàng, nhân viên phòng kỹ thuật, công nhân....

Ngoài ra học sinh có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên cao đẳng hoặc cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 25

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 63 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.620 giờ

- Khối lượng lý thuyết 349 giờ, Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.448 giờ, Thi, kiểm tra 78 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	14	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	49	1.620	255	1.300	65
II.1	Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc	8	120	112	0	8
MH 07	Vật liệu may	2	30	28		2
MH 08	Thiết bị may	2	30	28		2
MH 09	An toàn lao động	2	30	28		2
MH 10	Tiếng anh chuyên ngành	2	30	28		2
II.2	Môn học, mô đun cơ sở tự chọn (Chọn 1/3 môn học, mô đun= 2tc, 30h)	2	30	28		2
MH 11	Cơ sở thiết kế trang phục	2	30	28		2
MH 12	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	30	28		2
MH 13	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	30	28		2
II.3	Môn học, mô đun chuyên môn bắt buộc	22	750	100	600	50
MĐ 14	Thiết kế áo sơ mi, quần âu	2	60	15	41	4
MĐ 15	May các đường may cơ bản	2	60	10	42	8
MĐ 16	May áo sơ mi nam, nữ	4	150	15	125	10
MĐ 17	May quần âu nam, nữ	4	150	15	127	8
MĐ 18	Thiết kế áo Jacket	2	60	15	41	4
MĐ 19	May áo jacket nam	4	150	15	127	8
MĐ 20	May các sản phẩm nâng cao	4	120	15	97	8

II.4	Môn học, mô đun chuyên môn tự chọn (Chọn 1/4 môn học, mô đun = 3tc, 90h)	3	90	15	70	5
MD 21	Thiết kế váy, áo váy	3	90	15	70	5
MD 22	Máy váy, áo váy	3	90	15	70	5
MD 23	Cắt may TT áo sơ mi quần âu	3	90	15	70	4
MD 24	Công nghệ sản xuất	3	90	15	70	5
II.5	Mô đun thực tập	12	540		540	
MD 25	Thực tập sản xuất	12	540	0	540	
II.6	Ôn và thi tốt nghiệp	2	90		90	
	Tổng cộng	63	1.875	349	1.448	78

4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Mã	Môn học	TC	Năm thứ I		Năm thứ II	
	Học kỳ		I	II	III	IV
I	Các môn học chung					
MH 01	Chính trị	2	x			
MH 02	Pháp luật	1	x			
MH 03	Giáo dục thể chất	2	x			
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	x			
MH 05	Tin học	2		x		
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	x			
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc					
MH 07	Vật liệu may	2	x			
MH 08	Thiết bị may	2		x		
MH 09	An toàn lao động	2	x			
MH 10	Tiếng anh chuyên ngành	2			x	
II.2	Môn học, mô đun cơ sở tự chọn					
MH 11	Cơ sở thiết kế trang phục	2			x	
MH 12	Vẽ kỹ thuật ngành may	2		x		
MH 13	Quản lý chất lượng sản phẩm	2			x	
II.3	Môn học, mô đun chuyên môn bắt buộc					
MD 14	Thiết kế áo sơ mi, quần âu	2		x		
MD 15	Máy các đường may cơ bản	2		x		
MD 16	Máy áo sơ mi nam, nữ	4		x		

MD 17	Máy quần âu nam, nữ	4		x		
MD 18	Thiết kế áo Jacket	2			x	
MD 19	Máy áo jacket nam	4			x	
MD 20	Máy các sản phẩm nâng cao	4				x
II.4	Môn học, mô đun chuyên môn tự chọn					
MD 21	Thiết kế váy, áo váy	3				x
MD 22	Máy váy, áo váy	3				x
MD 23	Cắt may TT áo sơ mi quần âu	3				x
MD 24	Công nghệ sản xuất	3				x
III	Mô đun thực tập					
MD 25	Thực tập sản xuất	12			x	x
IV	Ôn và thi tốt nghiệp	2				x
	Tổng cộng	63	16	18	14	15
	Số TC Lý thuyết	24	16	4	4	
	Số TC Thực hành	12			6	6
	Số TC Mô đun tích hợp	27		12	6	9
	Số tuần thi, ôn thi	6	1,5	1,5	1,5	1,5
	Số tuần/Học kỳ		18,5	18,5	18,5	18,5

TT	Mã MH/MD	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Môn học, mô đun bắt buộc			
1	MH 01	Chính trị	2		
2	MH 02	Pháp luật	1		
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2		
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3		
5	MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4		
6	MH 07	Vật liệu may	2		
7	MH 09	An toàn lao động	2		
	Tổng		16		

Học kỳ 2

TT	Mã MH/MD	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Môn học, mô đun bắt buộc			
1	MH 05	Tin học	2		
2	MH 08	Thiết bị may	2		
3	MD 14	Thiết kế áo sơ mi, quần âu	2		
4	MD 15	Máy các đường may cơ bản	2		
5	MD 16	Máy áo sơ mi nam, nữ	4		
6	MD 17	Máy quần âu nam, nữ	4		
		Môn học, mô đun tự chọn			

1	MH 11	Cơ sở thiết kế trang phục	2		
2	MH 12	Vẽ kỹ thuật ngành may	2		
3	MH 13	Quản lý chất lượng sản phẩm	2		
	Tổng		18		

Học kỳ 3

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun bắt buộc				
1	MĐ 18	Thiết kế áo Jacket	2		
2	MĐ 19	May áo jacket nam	4		
3	MH 10	Tiếng anh chuyên ngành	2		
4		Thực tập sản xuất	6		
	Tổng		14		

Học kỳ 4

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun bắt buộc				
1	MĐ 20	May các sản phẩm nâng cao	4		
2	MĐ 25	Thực tập sản xuất	6		
	Môn học, mô đun tự chọn				
1	MĐ 21	Thiết kế váy, áo váy	3		
2	MĐ 22	May váy, áo váy	3		
3	MĐ 23	Cắt may TT áo sơ mi quần âu	3		
4	MĐ 24	Công nghệ sản xuất	3		
		Ôn thi tốt nghiệp	2		
	Tổng		15		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Tổ chức thăm quan, thực nghiệm tại cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh.

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
----	----------	-----------

1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

5.3. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các môn học/mô đun tự chọn được bố trí trong học kỳ 3 và 4

- Học kỳ 2 bố trí: 01 môn học

- Học kỳ 4 bố trí: 01 mô đun

Trong đó yêu cầu tối thiểu người học phải đăng ký tham gia học các môn học/mô đun tự chọn có tổng số thời gian : 120h

Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho môn học, môn đun đào tạo nghề tự chọn

a. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian:

Mã MH,MD	Tên môn học, mô đun (kiến thức kỹ năng tự chọn)	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành,KT
MH 11	Cơ sở thiết kế trang phục	2	3	30	28	2
MH 12	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2	30	28	2
MH 13	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	3	30	28	2
MĐ 21	Thiết kế váy, áo váy	2	4	90	15	75
MĐ 22	May váy, áo váy	2	4	90	15	75
MĐ 23	Cắt may TT áo sơ mi quần âu	2	4	90	15	75
MĐ 24	Công nghệ sản xuất	2	4	90	15	75
Tổng cộng:				480	144	306

b. Hướng dẫn xác định đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phần sau)

5.4. Hướng dẫn thi kết thúc môn học/mô đun.

- Cuối mỗi học kỳ, hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô-đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho học sinh chưa dự thi kết

thức môn học, mô-đun hoặc có môn học, mô-đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun vào thời điểm khác cho học sinh đủ điều kiện dự thi.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do hiệu trưởng quyết định.

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một học sinh.

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô-đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô-đun phải bố trí giáo viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho học sinh ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi.

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun chi tiết.

- Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun.

- Riêng Mô-đun thực tập được đánh giá bằng báo cáo thực tập có nhận xét của doanh nghiệp nơi học sinh tham gia thực tập.

5.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp.

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

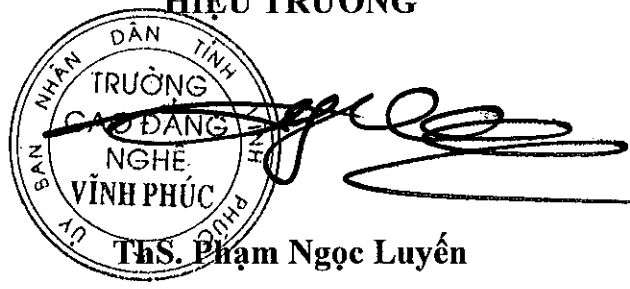
STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 90 phút Không quá 8 giờ

5.6. Các chú ý khác:

- Có thể sử dụng một số mô-đun đào tạo trong chương trình này để xây dựng chương trình sơ cấp (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, các cơ sở đào tạo cần dạy bổ sung những môn học, mô-đun trong chương trình cao đẳng phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Phạm Ngọc Luyện